CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC, ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM CÒN LẠI VÀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Ban hành theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
I	**THÀNH PHỐ VỊ THANH**					
1	**Phường I**					
	Khu vực: 1, 2, 3 4	45,000				
2	**Phường III**					
	Khu vực 1	45,000				
	Khu vực 2, 3, 4, 5, 6		40,000			
3	**Phường IV**					
	Khu vực: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	45,000				
4	**Phường V**					
	Khu vực: 1, 2, 3, 4, 5	45,000				
5	**Phường VII**					
	Khu vực: 1, 3, 4		40,000			
	Khu vực 2			35,000		
6	**Xã Vị Tân**					
	Ấp: 3, 4, 5, 6		35,000			
	Ấp: 1, 2, 2a			30,000		
	Ấp: 3a, 7				25,000	
7	**Xã Hỏa Lựu**					
	Ấp: Thạnh Lợi, Thạnh Phú, Mỹ 1, Thạnh Đông, Thạnh Bình, Ấp Thạnh Trung				25,000	
8	**Xã Tân Tiến**					
	Ấp Mỹ Hiệp 1		35,000			
	Ấp Mỹ Hiệp 2			30,000		
	Ấp: Thạnh Hòa 1, Mỹ Hiệp 3, Tư Sáng				25,000	
	Ấp Thạnh Qưới 1					20,000
9	**Xã Hỏa Tiến**					
	Ấp: Thạnh Thắng, Thạnh An, Thạnh Hòa 2				25,000	
	Ấp: Thạnh Xuân, Thạnh Qưới 2					20,000

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
II	**HUYỆN VỊ THỦY**					
1	**Thị trấn Nàng Mau**					
	Ấp 1 (giới hạn Quốc lộ 61 - Kênh 2 Lai - Kênh Nàng Mau - Kênh Xáng Hậu); Ấp 2 (giới hạn Quốc lộ 61 - Kênh Nàng Mau - Ranh Vị Thắng - Đường Tránh Quốc lộ 61)	45,000				
	Phần còn lại ấp 1, ấp 2 và ấp 3, 4, 5		40,000			
2	**Xã Vị Thắng**					
	Ấp 12; Ấp 9 và 11 (cặp Quốc lộ 61)		35,000			
	Ấp 9 và 11 (phía mương lộ Quốc lộ 61, giới hạn từ Quốc lộ 61 đến giáp ấp 10); Ấp 6, 7, 8, 10			30,000		
3	**Xã Vĩnh Trung**					
	Ấp: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10			30,000		
4	**Xã Vĩnh Tường**					
	Ấp: Xuân Thọ, Vĩnh Lộc, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận, Vĩnh Hiếu, Tân Long, Vĩnh Phú			30,000		
	Ấp: Vĩnh Quới, Vĩnh Thạnh, Bình Phong				25,000	
5	**Xã Vĩnh Thuận Tây**					
	Ấp: 2, 3		35,000			
	Ấp: 1, 4, 5, 6, 7			30,000		
6	**Xã Vị Thủy**					
	Ấp 4 và ấp 2, 3 (giới hạn Quốc lộ 61 - Kênh Vành Đai - Quốc lộ 61B)	40,000				
	Phần còn lại: Ấp 2, 3 và ấp 5, 6, 7, 8		35,000			
7	**Xã Vị Thanh**					
	Ấp: 7A2, 7B2 (giới hạn từ kênh Xà No đến kênh 3 thước) và ấp 1, 3, 5, 7A1, 7B1	40,000				
	Phần còn lại của: Ấp 7A2, 7B2		35,000			
8	**Xã Vị Bình**					
	Ấp: 2, 4, 9A1, 9B	40,000				
	Ấp 9A2		35,000			
9	**Xã Vị Đông**					
	Ấp: 1, 1A, 3, 3A và Ấp: 2, 5, 6, 7, 8 (giới hạn Đê bao Xà No - kênh Đầu Ngàn - kênh Thủy Lợi)	40,000				
	Phần còn lại của ấp: 2, 5, 6, 7, 8 và ấp 4		35,000			
10	**Xã Vị Trung**					
	Ấp: 7, 12, 8 (giới hạn Quốc lộ 61 - Kênh Hai Lai - kênh Ba Liên - ranh thành phố Vị Thanh)	40,000				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Phần còn lại của ấp 8 và ấp: 9, 10, 11, 13		35,000			
III	**HUYỆN LONG MỸ**					
1	**Thị trấn Long Mỹ**					
	Ấp 2	40,000				
	Ấp: 1, 5; Ấp 4 (đường tỉnh 930 đến kênh hậu); Ấp 6 (đường lộ nhựa về xã Long Trị đến Kênh Hậu)		35,000			
	Ấp: 3 và ấp 4, 6 (phần còn lại)			30,000		
2	**Thị trấn Trà Lồng**					
	Ấp: Long An, Long An 1, Long Khánh; Ấp Khánh Hưng 1 (phần còn lại)		30,000			
	Ấp: Khánh Hưng 1 (đê 5m trở lên giáp ranh xã Tân Phú); Ấp Khánh Hưng 2, Long Trị			25,000		
3	**Xã Long Bình**					
	Ấp: Bình Tân, Bình An, Bình Hiếu, Bình Hòa, Bình Thuận (phần còn lại).		25,000			
	Ấp: Bình Lợi, Bình Trung; Ấp Bình Thạnh (phần còn lại); Ấp Bình Thuận (kênh Tám Quang đến giáp ranh khu du lịch Vườn Tràm); Ấp Bình Lợi (Kênh 6 Ích đến ranh đất ông Cường); Ấp BìnhThạnh (khu vực bờ tràm đến ranh đất 2 Bé; kênh Urê đến ranh đất 7 Hải)			20,000		
	Ấp Bình Trung (bờ đê cũ 7 Tiết đến Kênh Tư Tích)				15,000	
4	**Xã Long Trị**					
	Ấp: 3, 8		25,000			
	Ấp: 1, 2			20,000		
5	**Xã Long Trị A**					
	Ấp: 4, 5, 7		25,000			
	Ấp 6			20,000		
6	**Xã Long Phú**					
	Ấp: Long Bình, Tân Bình 1 (đường tỉnh 931 đến Kênh Hậu)		25,000			
	Ấp: Long Bình 1, Tân Bình (phần còn lại); Ấp Long Bình 2, Tân Bình 2, Long Hòa 1 và 2, Long Thạnh 2			20,000		
	Ấp Long Thạnh 1				15,000	
7	**Xã Thuận Hưng**					
	Phần còn lại ngoài vị trí 3		25,000			
	Từ kênh Vàm Chốc theo dọc kênh Lộ Hoang đến rạch Cái Nhàu ra sông Cái Lớn			20,000		
8	**Xã Vĩnh Thuận Đông**					

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Ấp: 6, 7; Ấp 1, 2, 4, 5, 8 (phần còn lại); Ấp 3 (ranh ấp 4 đến kênh đê theo rạch Cái Nhum đến sông Cái Lớn về giáp ranh ấp 4)		25,000			
	Ấp 1 (kênh Trà Sắt đến ngã ba chùa, Trà Lồng, kênh bờ đê cũ); Ấp 2 (ranh nhà 7 Lâm chạy theo rạch Cái Nhum đến ranh đất nhà 3 Thành, kênh Thuỷ Lợi, kênh 3 Phiên); Ấp 4 (kênh đê giáp ấp 3 đến kênh Trường Học, kênh Bụi Dứa, ranh ấp 3 về kênh giữa; kênh đê Trạm Y tế đến ngã tư 3 Nhiên, rạch ấp 5); Ấp 5 (kênh 2 Thế đến kênh Thuỷ Lợi, giáp ấp 4, nhà Út Tập, bờ đê vàm kênh 2 Thế); Ấp 8 (kênh Xẻo Sốc đến kênh Bờ Tre, kênh 2 Liễu, giáp ranh xã Vị Thắng); Ấp 3 (phần còn lại)			20,000		
	Ấp 2 (khu doi nhà thờ)				15,000	
9	**Xã Tân Phú**					
	Ấp: Long Hưng 1, Tân Hưng 2 (ngã tư Giải phóng đến giáp ranh Tân Trị 1, kênh Thầy Ba, kênh Hậu Giang 3; kênh Xẻo Xu đến giáp ranh Long Hưng 2, TT. Trà Lồng và kênh Mới); Ấp Tân Thạnh (từ kênh Hào Bữu đến ấp Tân Trị 2 hướng Nam Đê ngăn mặn, hướng Bắc ấp Tân Hòa); Ấp Tân Trị 1, Long Trị 1, Tân Trị 2, Tân Hòa			20,000		
	Ấp: Long Hưng 1, Tân Hưng 2, Long Hưng 2; ấp Tân Thạnh (phần còn lại)				15,000	
10	**Xã Thuận Hòa**					
	Ấp 1 (từ kênh Long Mỹ 2 dọc qua giáp ranh xã Xà Phiên qua kênh 5 Đức giáp kênh Ổ Mối ấp 2 chạy về kênh Long Mỹ 2); Ấp 2 (từ kênh Long Mỹ 2 dọc qua kênh Ổ Mối qua kênh 5 Đức chạy dọc theo Đê ngăn mặn ra sông Xáng Trà Ban xã Long Phú chạy về kênh Long Mỹ 2); Ấp: 3, 4, 5		25,000			
	Ấp 1 (từ kênh 5 Đức giáp ranh xã Xà Phiên chạy dọc theo sông Cái Trầu vòng về kênh Ổ Mối chạy về kênh 5 Đức), (phần còn lại); Ấp 2 (từ Đê ngăn mặn chạy ra sông Cái Trầu vòng qua Cảng Trà Ban giáp ranh xã Long Phú Chạy về Đê ngăn mặn)			20,000		
11	**Xã Xà Phiên**					
	Ấp: 4, 5; ấp 1, 6, 7, 8 (phần còn lại); Ấp 2 (kênh Xã Hội đến giáp ranh Ấp 5); Ấp 3 (ranh xã Thuận Hưng đến kênh 2 Lý)			20,000		
	Ấp: 2, 3 (phần còn lại); Ấp 1 (kênh Hai Nhiên đến kênh Vịnh Sâu); Ấp 6, 7, 8 (Đê ngăn mặn đến giáp sông Cái)				15,000	
12	**Xã Lương Tâm**					
	Phần còn lại ngoài Khu vực 1 và 2			20,000		
	Khu vực 1: Đê ngăn mặn giáp ranh xã Xà Phiên đến kênh ranh xã Vĩnh Tuy trở ra sông cái giáp ranh Ngan Dừa. *Khu vực 2:* Đê ngăn mặn giáp ranh xã Xà Phiên đến kênh ranh xã Vĩnh Tuy trở ra.				15,000	

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
13	**Xã Vĩnh Viễn**					
	Ấp 1 (kênh Mười Thước đến kênh Trâm Bầu, kênh 13); Ấp 2 (kênh Đê đến kênh 13 ra sông Nước Đục về Cảng Ba Can); Ấp 3 (kênh Mười Thước đến kênh 13, kênh chống Mỹ về kênh Cả Dứa); Ấp 5 (kênh Cả Dứa đến kênh Trực Thăng, kênh Mười Thước); Ấp 8 (kênh Vàm Rừa đến kênh Mười Thước); Ấp 9 (kênh Mười Thước đến kênh Thuỷ Lợi, Thanh Thuỷ); Ấp 10 (kênh Thanh Thuỷ đến kênh Thần Hổ, kênh Mười Thước về kênh Năm); Ấp 11 (kênh Củ Tre đến kênh Mười Thước, kênh đê, kênh 13)			20,000		
	Ấp: 4, 6, 7, 12 Phần còn lại của ấp: 1, 2, 3, 5, 8, 9, 10				15,000	
14	**Xã Vĩnh Viễn A**					
	Ấp 8 (kênh Vàm Rừa đến kênh Mười Thước); Ấp 9 (kênh Mười Thước đến kênh Thuỷ Lợi); Ấp 10 (kênh Thanh Thuỷ đến kênh Thần Hổ, kênh Mười Thước về kênh			20,000		
	Ấp: 6, 7 và phần còn lại của ấp 8, 9, 10				15,000	
15	**Xã Lương Nghĩa**					
	Phần còn lại ngoài Khu vực 1 và 2			20,000		
	Khu vực 1: Tuyến giáp ranh xã Lương Tâm, từ vàm Cá Hô (kênh Nước Mặn) theo kênh Lầu đến kênh Sài Gòn, Tô Ma đến Ngã Tư Ngan Mồ, Rạch Ngan Mồ đến vàm Ngan Mồ. *Khu vực 2:* Đê ngăn mặn giáp ranh xã Xà Phiên đến kênh ranh xã Vĩnh Tuy trở ra sông Cái giáp ranh xã Ngan Dừa.				15,000	
IV	**THỊ XÃ NGÃ BẢY**					
1	**Phường Ngã Bảy**					
	Khu vực: 1, 2, 3, 5, 6, 7	57,000				
2	**Phường Lái Hiếu**					
	Khu vực: 1, 2, 5, 6	57,000				
	Khu vực: 3, 4		52,000			
3	**Phường Hiệp Thành**					
	Khu vực: 1, 2, 3, 4, 5	57,000				
	Khu vực: 6, 7, 8		52,000			
4	**Xã Đại Thành**					
	Ấp: Sơn Phú, Mái Dầm, Đông An, Đông An A, Mang Cá, Cái Côn	52,000				
	Ấp: Ba Ngàn, Ba Ngàn A, Sơn Phú 1		47,000			
5	**Xã Hiệp Lợi**					

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Ấp: Xẻo Vông, Xẻo Vông A, Xẻo Vông B, Xẻo Vông C (cặp Quốc Lộ 1)	52,000				
	Ấp: Xẻo Vông, Xẻo Vông A, Xẻo Vông B, Xẻo Vông C (phía mương lộ Quốc Lộ 1)		47,000			
	Ấp: Láng Sen, Láng Sen A			42,000		
6	**Xã Tân Thành**					
	Ấp: Sơn Phú 2A	52,000				
	Ấp: Sơn Phú 2, Đông An 2, Đông An 2A, Bảy Thưa, Đông Bình		47,000			
V	**HUYỆN PHỤNG HIỆP**					
1	**Thị trấn Cây Dương**					
	Ấp: Mỹ Lợi, Mỹ Quới	40,000				
	Ấp: Hưng Phú, Mỹ Hòa, Mỹ Quới B, Thống Nhất		35,000			
2	**Thị trấn Kinh Cùng**					
	Ấp: Hòa Phụng A, Hòa Phụng B	40,000				
	Ấp: Hòa Bình, Hòa Long B, 6			30,000		
	Ấp: Hòa Long A				25,000	
3	**Thị trấn Búng Tàu**					
	Ấp Tân Phú A1 và A2		35,000			
	Ấp: Tân Thành, Hòa Hưng, Tân Hưng			30,000		
4	**Xã Thạnh Hòa**					
	Ấp: Nhất, Phú Khởi, Tầm Vu 1	35,000				
	Ấp: 2, 3, Tầm Vu 2		30,000			
	Ấp: 4, Phú Xuân			25,000		
4	**Xã Tân Bình**					
	Ấp: Cầu Xáng, Tân Hiệp, Tân Phú, Tân Long, Tân Long A		30,000			
	Ấp: Tám Ngàn, Tân Phú A, Tân Quới, Tân Quới Kinh, Tân Quới Rạch, Tân Thành			25,000		
5	**Xã Long Thạnh**					
	Ấp: Long Hòa A1, Trường Khánh 1, Trường Khánh 2	35,000				
	Ấp: Long Hòa A2, Long Hòa B		30,000			
	Ấp: Long Sơn 1, 2 và Long Trường 1, 2, 3			25,000		
6	**Xã Phụng Hiệp**					
	Ấp: Mỹ Thuận 1, Sậy Niếu A và B, Xẻo Môn, Mỹ Thuận 2, Thắng Mỹ			25,000		
7	**Xã Phương Bình**					
	Ấp: Phương An, Phương Lạc, Phương Quới, Phương Quới A, Phương Thạnh		30,000			
	Ấp: Phương Hòa, Phương Quới B và C, Lâm Trường Phương Ninh			25,000		

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
8	**Xã Hoà Mỹ**					
	Ấp: Mỹ Phú, Mỹ Thành A, Mỹ Thành		30,000			
	Ấp: Mỹ Phú A, 5, Thạnh Mỹ C			25,000		
	Ấp: 3, 4, 6, Long Trường, Mỹ Hiệp, Tân Long				20,000	
9	**Xã Hoà An**					
	Ấp: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Hoà Đức, Hòa Phụng C, Hòa Quới A và B, Bàu Môn			25,000		
	Ấp Xẻo Trâm				20,000	
10	**Xã Tân Long**					
	Ấp: Thạnh Lợi A1, Thạnh Lợi A2	35,000				
	Ấp: Long Phụng, Phụng Sơn, Phụng Sơn A, Thạnh Lợi B		30,000			
	Ấp: Phụng Sơn B, Thạnh Lợi C			25,000		
11	**Xã Hiệp Hưng**					
	Ấp: Hiệp Hòa, Hưng Thạnh, Lái Hiếu, Mỹ Hưng, Mỹ Lợi A và B, Mỹ Chánh		30,000			
	Ấp: Long Phụng, Long Phụng A, Mỹ Chánh A, Quyết Thắng, Quyết Thắng A và B			25,000		
12	**Xã Tân Phước Hưng**					
	Ấp: Mỹ Phú, Mỹ Thạnh, Phó Đường, Tân Phú B1 và B2, Thành Viên			25,000		
	Ấp Mùa Xuân				20,000	
13	**Xã Phương Phú**					
	Ấp: Phương An A và B		30,000			
	Ấp: Bình Hòa, Phương Bình, Phương Hòa			25,000		
	Ấp: Phương Thạnh				20,000	
14	**Xã Bình Thành**					
	Ấp: Tân Long B, Tân Quới Lộ, Thạnh Mỹ A, B, C			25,000		
VI	**HUYỆN CHÂU THÀNH A**					
1	**Thị trấn Cái Tắc**					
	Ấp: Tân Phú, Tân Phú A, Tân An, Long An A, Long An B	45,000				
	Ấp: Long An		40,000			
2	**Xã Tân Phú Thạnh**					
	Ấp: Phú Thạnh, Phú Lợi	45,000				
	Ấp: Tân Thạnh Tây, Thạnh Lợi, Thạnh Lợi A, Thạnh Mỹ A, Thạnh Mỹ, Thạnh Phú		40,000			
3	**Thị trấn Rạch Gòi**					
	Ấp: Thị Tứ, Láng Hầm, Láng Hầm A, Xáng Mới, Xáng Mới A, Xáng Mới B, Xáng Mới C	45,000				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	**Xã Thạnh Xuân**					
	Ấp: Xẻo Cao, Láng Hầm C	45,000				
	Ấp: Xẻo Cao A, Láng Hầm B, Trầu Hôi, Trầu Hôi A, So Đũa Lớn, So Đũa Lớn A, So Đũa Bé		40,000			
5	**Thị trấn Một Ngàn**					
	Ấp: 1A, Thị Tứ, Tân Lợi, Nhơn Thuận 1 A	45,000				
	Ấp: 1B, Nhơn Xuân, Nhơn Lộc		40,000			
6	**Thị trấn Bảy Ngàn**					
	Ấp: 2A, 3A, 4A, 2B, 3B, 4B, Thị Tứ (từ kênh Xáng Xà No đến kênh Sáu Thước)	45,000				
	Ấp: 2A, 3A, 4A, Thị Tứ (từ kênh Sáu Thước đến kênh ranh giáp xã Tân Bình); Ấp 2B, 3B, 4B (từ kênh Sáu Thước đến ranh xã Trường Long Tây)		40,000			
7	**Xã Nhơn nghĩa A**					
	Ấp: Nhơn Thuận 1, Nhơn Thuận 1A, Nhơn Thuận 1B, Nhơn Phú, Nhơn Phú 1, Nhơn Phú 2	40,000				
	Ấp: Nhơn Ninh, Nhơn Hòa, Nhơn Thọ		35,000			
8	**Xã Trường Long Tây**					
	Ấp: Trường Thọ, Trường Thọ A, Trường Thuận A	40,000				
	Ấp: Trường Phước		35,000			
	Ấp: Trường Thuận, Trường Phước A, Trường Phước B			30,000		
9	**Xã Trường Long A**					
	Ấp: Trường Hòa, Trường Hòa A, Trường Hưng, Trường Bình, Trường Hiệp, Trường Hiệp A	40,000				
	Ấp: Trường Bình A, Trường Lợi, Trường Lợi A, Trường Thắng		35,000			
10	**Xã Tân Hòa**					
	Ấp: 1A (xã Tân Hòa cũ); 1A (xã Tân Thuận cũ); 2A, 3A (từ kênh Xáng Xà No đến kênh Thầy Ký 1,5 km); 1B (xã Tân Hòa cũ); 1B (xã Tân Thuận cũ); 2B, 3B (đoạn từ kênh Xáng Xà No đến kênh Sáu Thước)	40,000				
	Phần còn lại các ấp 1A (xã Tân Hòa cũ); 1A (xã Tân Thuận cũ); 2A, 3A (từ kênh Thầy Ký đến kênh ranh giáp huyện Phụng Hiệp); 1B (xã Tân Hòa cũ); 4B, 5B, 6B (từ kênh Sáu Thước đến kênh ranh xã Trường Long Tây, Trường Long A)		35,000			
VII	**HUYỆN CHÂU THÀNH**					
1	**Thị trấn Ngã Sáu**					
	Ấp: Thị Trấn, Thuận Hưng, Tân Hưng, Phước Thuận	45,000				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất đồng bằng năm 2013				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Các ấp còn lại		40,000			
2	**Thị trấn Mái Dầm**					
	Ấp: Phú Xuân, Phú Xuân A, Phú Đông, Phú Thạnh, Phú Bình	45,000				
	Các ấp còn lại		40,000			
3	**Xã Phú Hữu**					
	Ấp: Phú Lợi, Phú Lợi A, Phú Nghĩa	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			
4	**Xã Đông Phước**					
	Ấp: Đông Bình, Đông Sơn, Đông Lợi, Đông Lợi A, Đông lợi B	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			
5	**Xã Đông Phước A**					
	Ấp: Tân Long, Phước Long, Phước Hưng, Hưng Thạnh, Tân Thuận	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			
6	**Xã Đông Thạnh**					
	Ấp Phú Quới	45,000				
	Ấp: Thạnh Thới, Thạnh Long, Thạnh Thuận, Phước Thạnh, Đông Thuận	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			
7	**Xã Đông Phú**					
	Ấp: Phú Hoà, Phú Hưng, Phú Nhơn	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			
8	**Xã Phú An**					
	Ấp Khánh Hội B	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			
9	**Xã Phú Tân**					
	Ấp: Phú Tân, Phú Lễ, Phú Trí	40,000				
	Các ấp còn lại		35,000			